

Ngành: Sản xuất thép

Ngày 26/05/2016

CTCP Thép Nam Kim (Mã cổ phiếu: NKG)

Khuyến nghị: Mua

Giá thị trường
(20/05/2016): 16.300

Giá kỳ vọng (VND): 19.000

Lợi nhuận kỳ vọng: 17%

Khuyến nghị:

NKG hiện đang giao dịch ở mức giá 16.300 đồng/cổ phiếu, tương ứng với mức P/E và P/B lần lượt là 4,72 lần và 1,16 lần. Chúng tôi tiến hành định giá cổ phiếu NKG dựa trên phương pháp định giá thông dụng là phương pháp chiết khấu dòng tiền, chúng tôi cho rằng giá hợp lý cho NKG là 19.000 đồng/cp, cao hơn 17% so với giá thị trường. Khuyến nghị: Mua. Tầm nhìn đầu tư 1 năm.

Điểm nổi bật:

- **Doanh thu tăng mạnh.** Q1/2016, doanh thu thuần (DTT) của NKG đạt 1.798,6 tỷ đồng (+52,9% so với cùng kỳ), đạt 24% kế hoạch năm (7.500 tỷ đồng).

- **Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh.** Biên lợi nhuận gộp (Biên LNG) ở mức 7,8% (+31,3% so với cùng kỳ).

- **Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh.** Doanh thu hoạt động tài chính ở mức 28,7 tỷ đồng (+925% so với cùng kỳ).

- **Chi phí hoạt động kinh doanh tăng mạnh.** Chi phí tài chính ở mức 49,2 đồng (+122,6% so với cùng kỳ), trong đó chi phí lãi vay ở mức 26,8 tỷ đồng (+103% so với cùng kỳ). Chi phí bán hàng ở mức 29,2 tỷ đồng (+46,7% so với cùng kỳ). Chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức 13,4 tỷ đồng (+47,3% so với cùng kỳ).

- **Lợi nhuận tăng mạnh.** Lợi nhuận trước thuế (LNST) đạt 530,8 tỷ đồng (+256,2% so với cùng kỳ). Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 418,2 tỷ đồng (+262,1% so với cùng kỳ), đạt 63% kế hoạch năm (660 tỷ đồng).

- EPS Q1/2016 đạt 1.317 đồng/cổ phiếu.

Nhận định: Lợi nhuận Q1/2016 của NKG tăng trưởng mạnh nhờ vào doanh thu và biên lợi nhuận gộp tăng mạnh. Bên cạnh đó, chi phí hoạt động kinh doanh cũng tăng mạnh theo doanh thu. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của NKG tiếp tục được cải thiện.

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Q1/2016	Q1/2015	Tăng trưởng	Kế hoạch năm
Doanh thu thuần	1.798,6	1.176,5	52,9%	24,0%
Lợi nhuận trước thuế	78,2	26,4	196,2%	n/a
Lợi nhuận sau thuế	65,9	20,5	221,5%	33,0%
Lợi nhuận gộp biên	7,8%	5,9%	31,3%	n/a
EPS	1.317,1	409,7	221,5%	n/a

Thông tin cổ phần:

Sàn giao dịch: HSX

Khoảng giá 52 tuần (VND): 10.300 - 18.400

EPS 4 quý gần nhất (VND): 3.455

P/E cơ bản: 4,72

Giá trị sổ sách (VND): 14.103

P/B: 1,16

KLGD bình quân 10 ngày: 160.000

KLCP niêm yết 50.034.361

Vốn hóa (Tỷ đồng): 815,56

Cơ cấu sở hữu

Sở hữu Tỷ lệ

Sở hữu nhà nước 0,00%

Sở hữu nước ngoài 2,64%

Sở hữu khác 97,36%

Danh sách cổ đông

Cổ đông lớn Tỷ lệ

Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đầu tư P&Q 24,61%

Hồ Minh Quang 17,91%

Trần Uyển Nhân 15,77%

Công ty TNHH Thép Trường
Giang 5,76%

Công ty TNHH Đầu tư Tân Hiệp 5,43%

Khái niệm

Mức kháng cự

là mức giá A mà tại đó sự phản ứng của mức cung trên thị trường đủ sức kháng cự trước mức cầu và khiến cho giá hàng hóa giảm trở lại.

Mức hỗ trợ

là mức giá B mà tại đó sự phản ứng mức cầu trên thị trường đủ sức hỗ trợ và phản kháng mức cung trên thị trường để từ đó hỗ trợ giá khiến cho giá có xu hướng tăng trở lại.

90% cash/10% stocks

Giải ngân thận trọng 10% tiền mặt (nếu chưa nắm giữ cổ phiếu) hoặc giảm tỷ trọng danh mục xuống còn 10% cổ phiếu (nếu đang nắm giữ cổ phiếu).

70% cash/30% stocks

Giải ngân thận trọng 30% tiền mặt (nếu chưa nắm giữ cổ phiếu) hoặc giảm tỷ trọng danh mục xuống còn 30% cổ phiếu (nếu đang nắm giữ cổ phiếu).

50% cash/50% stocks

Giải ngân tối đa 50% tiền mặt (nếu chưa nắm giữ cổ phiếu) hoặc giữ tỷ trọng danh mục ở mức 50% cổ phiếu (nếu đang nắm giữ cổ phiếu).

30% cash/70% stocks

Giải ngân tối đa 70% tiền mặt (nếu chưa nắm giữ cổ phiếu) hoặc tăng tỷ trọng danh mục lên mức 70% cổ phiếu (nếu đang nắm giữ cổ phiếu).

Đồ thị phân tích kỹ thuật



Chỉ báo kỹ thuật

ACC	→	Trung tính	MFI	↓	Tiêu cực
%R	↑	Tích cực	POS	↑	Tích cực
Stochastic	→	Trung tính	ROC	→	Trung tính
CCI	↑	Tích cực	ADX	↑	Tích cực
RSI	↑	Tích cực	MACD	↑	Tích cực

Mức hỗ trợ

Mức kháng cự

Mạnh	15.0	Mạnh	19.0
Trung bình	16.0	Trung bình	18.0
Yếu	17.0	Yếu	17.0

Nhận định và khuyến nghị

Nhận định: Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng NKG sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần nhất 16.0 - 17.0.

Khuyến nghị: Giải ngân một phần danh mục tại vùng hỗ trợ 16.0 - 17.0. Chốt lời ngắn hạn tại vùng kháng cự 18.0 - 19.0. Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 30% cash/ 70% stocks. Tỷ lệ sinh lời kỳ vọng 10%.

Phụ lục:

Cân đối kế toán (triệu đồng)	Q3/2015	Q4/2015	Q1/2016	Báo cáo KQKD (triệu đồng)	Q3/2015	Q4/2015	Q1/2016
TÀI SẢN				1. Doanh số	1.427.282	1.829.012	1.799.602
A. Tài sản ngắn hạn	1.688.942	1.830.247	1.876.603	2. Các khoản giảm trừ	(1.275)	(1.397)	(1.016)
I. Tiền và tương đương tiền	58.495	51.475	116.201	3. Doanh số thuần	1.426.007	1.827.615	1.798.586
II. Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	-	9	9	4. Giá vốn hàng bán	(1.288.667)	(1.714.722)	(1.659.120)
III. Các khoản phải thu	546.744	533.158	711.090	5. Lãi gộp	137.340	112.893	139.465
IV. Hàng tồn kho, ròng	970.693	1.098.217	940.179	6. Thu nhập tài chính	10.758	24.678	28.661
V. Tài sản lưu động khác	113.010	147.388	109.124	7. Chi phí tài chính	(65.407)	(64.373)	(49.166)
B. Tài sản dài hạn	1.717.382	1.742.140	2.075.663	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(18.009)	(24.633)	(26.846)
I. Phải thu dài hạn	-	-	-	8. Chi phí bán hàng	(28.947)	(32.869)	(29.194)
II. Tài sản cố định	1.506.821	1.473.596	1.441.626	9. Chi phí DLDN	(10.258)	(11.683)	(13.423)
III. Giá trị ròng tài sản đầu tư	-	-	-	10. Lãi/(lỗ) từ HĐKD	43.486	28.646	76.344
IV. Đầu tư dài hạn	-	-	-	11. Thu nhập khác	1.855	391	2.430
V. Tài sản dài hạn khác	26.497	24.816	30.118	12. Chi phí khác	(546)	(584)	(572)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.406.324	3.572.387	3.952.266	13. Thu nhập khác, ròng	1.308	(193)	1.858
NGUỒN VỐN				13b. Lãi/(lỗ) từ ct liên doanh	-	-	-
A. Nợ phải trả	2.797.794	2.932.627	3.246.616	14. Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	44.794	28.453	78.201
I. Nợ ngắn hạn	2.040.585	2.120.266	2.291.288	15. Thuế TNDN- hiện thời	(7.464)	(5.203)	(12.310)
II. Nợ dài hạn	757.209	812.361	955.329	16. Thuế TNDN – hoãn lại	-	-	-
B. Vốn chủ sở hữu	608.530	639.760	705.650	17. Chi phí thuế TNDN	(7.464)	(5.203)	(12.310)
I. Vốn và các quỹ	608.530	639.760	705.650	18. Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	37.331	23.250	65.891
II. Vốn NSNN và quỹ khác	-	-	-	19. Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	20. Cổ đông của Công ty mẹ	37.331	23.250	65.891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.406.324	3.572.387	3.952.266	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)	Q3/2015	Q4/2015	Q1/2016	Chỉ tiêu tài chính	Q3/2015	Q4/2015	Q1/2016
I. Lưu chuyển từ HĐKD				Sức khỏe tài chính			
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ HĐSXKD	38,91	(258,96)	(250,26)	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0,03	0,02	0,05
II. Lưu chuyển từ HĐĐT				Tỷ suất thanh toán nhanh	0,35	0,35	0,41
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ HĐĐT	(90,18)	(56,10)	(365,62)	Tỷ suất thanh toán hiện thời	0,83	0,86	0,82
III. Lưu chuyển từ HĐTC				Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	1,24	1,27	1,35
Lưu chuyển tiền tệ từ HĐTC	117,70	317,19	680,59	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	2,74	3,09	3,77
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	66,43	2,13	64,72	Hiệu quả hoạt động			
Tiền và các khoản tở tiền đầu kỳ	38,59	58,50	51,48	ROE %	22,34	22,00	27,17
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	(46,53)	(9,15)	-	ROCE %	19,64	18,57	21,14
Tiền và các khoản tở tiền cuối kỳ	276,69	230,50	548,49	ROA %	3,93	3,87	4,85

Diễn giải

Khuyến nghị	Diễn giải
Kỳ vọng 12 tháng	
Mua	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 15%
Nắm giữ	Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -15% đến 15%
Bán	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường dưới -15%

Khuyến cáo

Khuyến cáo

Chúng tôi chỉ sử dụng trong báo cáo này những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư. Tài liệu này sẽ không được coi là một hình thức chào bán hoặc lôi kéo khách hàng đầu tư vào bất kì cổ phiếu nào. ASEAN SECURITIES cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. ASEAN SECURITIES sẽ không chịu trách nhiệm với bất kì thông tin nào không nằm trong phạm vi báo cáo này. Nhà đầu tư phải cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như những dự báo tài chính trong tài liệu trên, và ASEAN SECURITIES hoàn toàn không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp và sẽ không được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, nghiêm cấm bất kì sự sao chép và phân phối lại đối với tài liệu này.

Hội sở chính

Trụ sở: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
Tel: (84 - 4)6 275 3844;
NKGline: 19006636
Fax: (84 - 4)6 275 3816
Tổng đài đặt lệnh: (84 - 4)6 275 8888

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà 31-33-35 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84 - 8)3 824 6468
Fax: (84 - 8)3 824 6550
Tổng đài đặt lệnh: (84 - 8)3 829 9090